

Bản án số: 09/2017/DSST  
Ngày: 29/9/2017  
V/V Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI - HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thiết

- *Các hội thẩm:*

1/ Ông: Nguyễn Quang Sơn

2/ Ông : Nguyễn Nho Bản

- *Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Hằng,  
Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai;

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên tòa:*

Ông: **Phùng Xuân Đại**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2016 /TLST- DS ngày 30/5/ 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX - DSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đ- ơng sự:

**Nguyên đơn:** Ông Vương Đắc T, SN 1948; chị Đắc Thị A, SN 1979

Đều ĐKKHKT và nơi ở : xã Cộng Hòa, huyện QO, thành phố HN. (đều có mặt)

**Bị đơn:** Anh Trần Văn K, SN 1973; c hị Vương Thị L, SN 1974.

Đều ĐKKHKT và nơi ở: Xóm 3,Thôn ĐL, xã ĐQ, huyện QO, thành phố HN. (Chị L ủy quyền cho anh K văn bản ủy quyền ngày 09/8/2017; anh K có đơn xin xử vắng mặt ngày 10/9/2017 )

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2017 của nguyên đơn là ông Vương Đắc T và chị Đắc Thị A thì ngày 17/6/2011 chị L có vay của chị A số tiền là 50.000.000 đồng và ngày 18/6/2011 chị L anh K vay của ông T số tiền là 40.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/ tháng, hàng tháng trả lãi vào ngày mùng 4. Tổng cộng anh K chị L đã vay của bố con ông là 90.000.000 đồng, tháng 12/2012 anh K, chị L đã trả cho bố con ông được 10.000.000 đồng tiền lãi (tính bằng 03 tháng 22 ngày), từ đó đến nay bố con ông đã nhiều lần đến yêu cầu vợ chồng anh K chị L thanh toán nhưng vợ chồng anh K chị L không chịu thanh toán mà còn có nhiều lời lẽ thách thức không hay nên bố con ông đã làm đơn đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị L anh K phải trả toàn bộ nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ tháng 11/2011 cho đến nay:

Về phía bị đơn là anh Trần Văn K và chị Vương thị L trình bày:

Vợ chồng anh chị xác nhận có vay của ông T, chị A số tiền như bố con ông T đã trình bày là đúng. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh chị chưa trả được nợ cho ông T và chị A, ngày 11/12/2012 vợ chồng anh chị mới trả cho chị A số tiền là 10.000.000 đồng anh chị đã đề nghị ông T chị A trừ vào số tiền gốc và cho xin không tính lãi, còn lại cho anh chị thanh toán dần khi thu hồi được công nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất quan điểm, ông T chị A không đồng ý trừ số tiền 10 triệu đồng vào tiền gốc, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị L anh K phải thanh toán trả 90 triệu tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi vay đến nay trừ đi 10 triệu đồng đã thanh toán lãi, chị L anh K đề nghị giải quyết theo quy định của luật

Đại diện Viện K sát nhân dân huyện QO phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án.

Về nội dung: Hợp đồng vay giữa ông T, chị A với anh K và chị L có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, về yêu cầu trả nợ gốc và lãi của ông T, chị L đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm c, khoản 1 Điều 668 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Quyết định số 2868/ QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của ngân hàng nhà nước.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông T và chị A đối với anh K và chị L.

Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền gốc là 90.000.000đ và số tiền lãi phát sinh từ ngày giao kết vay nợ cho tới ngày 01/01/2017 với mức lãi suất quá hạn là 13,5%/năm và từ ngày 01/01/2017 tới ngày xét xử là 10%/năm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3, điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn khởi kiện và Toà án nhân dân huyện QO, thành phố HN thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện:

Các bên thỏa thuận trong hợp đồng ghi khi nào bên cho vay cần phải báo trước từ 5 đến 7 ngày. Như vậy hợp đồng được các bên thỏa thuận không kỳ hạn phù hợp với điều 469 Bộ luật dân sự.

Về người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị L; theo văn bản ủy quyền của chị L lập ngày 09/8/2017 ủy quyền cho anh K tham gia tố tụng được UBND xã ĐQ xác nhận phù hợp với quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn là anh K và chị L, anh K là người đại diện theo ủy quyền của chị L, ngày 10/9/2017 anh K có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Về nội dung hợp đồng:

Ông Vương Đắc T chị Đắc Thị A và chị Vương Thị L anh Trần Văn K là người tham gia ký kết hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thiết lập hợp đồng bằng giấy vay tiền và giấy nhận nợ, theo đó ngày 17/6/2011 chị L có vay của chị A số tiền là 50.000.000 đồng với lãi suất là 3%/tháng, thời gian tính từ ngày 17/6/2011, lãi suất phải trả vào ngày 04 hàng tháng, khi nào chị A cần phải báo trước từ 5 đến 7 ngày; và ngày 18/6/2011 anh K chị L ký nhận nợ vay của ông T số tiền 40.000.000 trả lãi hàng tháng với lãi suất 3% / tháng không có thời hạn. Các bên thỏa thuận tại thời điểm theo quy định của Bộ luật dân sự 2005, việc giao dịch đến nay vẫn đang thực hiện và có tranh chấp. Xong việc thỏa thuận của các bên có nội dung và hình thức phù hợp với các Điều 274, 275, 278, 280, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015 nên được áp dụng theo điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên việc thỏa thuận

về lãi suất giữa các bên chưa phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự do vậy phần thỏa thuận mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Xét yêu cầu của ông T đòi vợ chồng chị L anh K trả 40.000 đồng tiền gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy tại các bản tự khai và hòa giải vợ chồng chị L thừa nhận có vay của ông T số tiền nói trên việc vợ chồng chị L anh K có vay của ông T là có thật nên buộc vợ chồng chị L anh K phải thanh toán trả ông T số tiền 40.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị A đòi chị L phải trả 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy tại các bản tự khai và hòa giải chị L thừa nhận có vay của chị A số tiền nói trên việc chị L có vay của chị A là có thật nên buộc chị L phải thanh toán trả chị A số tiền 50.000.000 đồng.

Xét về yêu cầu trả lãi:

Các bên thỏa thuận về việc trả lãi suất hàng tháng là 3%/tháng = 36%/năm trái với quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phần vượt quá không có hiệu lực.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định .

*“Lãi suất do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên thỏa thuận về lãi thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác liên quan có quy định khác. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.*

Vì vậy lãi suất được tính như sau:

Mức lãi suất theo quy định không vượt quá 20%/năm = 1,666/tháng = 0,0555/ngày.

Đối với khoản lãi vay của ông T số tiền 40.000.000 đồng thời điểm thiết lập hợp đồng từ 17/6/2011 đến ngày xét xử ( 29/9/2017) là 75 tháng 11 ngày. ( 40.000.000 đ x 75 tháng x 1,666% = 49.980.000đ) + (40.000.000 đ x 11 ngày x 0,0555% = 244.000 đ) = 50.224.000đ.

Như vậy chị L anh K phải thanh toán trả ông T tổng số tiền cả gốc và lãi là: 40.000.000đ + 50.224.000đ = 90.224.000 đ ( Chín mươi hai trăm hai bốn nghìn đồng).

Đối với khoản vay lãi của chị A số tiền 50.000.000 đ thời điểm thiết lập hợp đồng từ 18/6/2011 đến ngày xét xử ( 29/9/2017) là 75 tháng 10 ngày.

$(50.000.000 \text{ đ} \times 75 \text{ tháng} \times 1,666\% = 62.475.000\text{đ} ) + ( 50.000.000 \text{ đ} \times 10 \text{ ngày} \times 0,0555\% = 277.000\text{đ} ) = 62.752.000\text{đ}.$

Như vậy chị L phải thanh toán trả chị A tổng số tiền cả gốc và lãi là: 50.000.000 đồng + 62.752.000 đồng = 112.752.000 đ (*Một trăm mười hai triệu bảy trăm năm hai nghìn đồng*); ngày 11/12/2012 chị L đã trả cho chị A số tiền là 10.000.000 đồng. Số còn lại buộc chị L anh K phải thanh toán trả chị A tổng số tiền là: 112.752.000 đồng – 10.000.000 đồng = 102.752.000 đồng .(*Một trăm linh hai triệu bảy trăm năm hai nghìn đồng*).

Về án phí:

Chị Vương Thị L và anh Trần Văn K phải chịu 5.137.000 đ (*Năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) đối với khoản vay của chị A.

Chị Vương Thị L phải chịu 4.511.000 đ (*Bốn triệu năm trăm mười một nghìn đồng*) đối với khoản tiền vay của ông T .

Theo quy định tại Điều 143, 144 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Vì các lẽ trên**

□p dụng Điều 274, 275, 278, 280, 463, 466, 468, 469, 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đắc Thị A và ông Vương Đắc T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1. Buộc chị Vương Thị L phải thanh toán trả chị Đắc Thị A tổng số tiền là 102.752.000đ .(*Một trăm linh hai triệu bảy trăm năm hai nghìn đồng* )

1.2. Buộc chị Vương Thị L và anh Trần Văn K phải thanh toán trả ông Vương Đắc T tổng số tiền là 90.224.000đ (*Chín mươi triệu hai trăm hai bốn nghìn đồng* )

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn chậm phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tr-ờng hợp quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## **2. Về án phí:**

2.1. Chị Vương Thị L và anh Trần Văn K phải chịu 5.137.000 đ (*Năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị Vương Thị L phải chịu 4.511.000 đ (*Bốn triệu năm trăm mười một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Trả lại ông T chị A 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007197 ngày 30/5/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

## **3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhân:**

- TAND thành phố HN;
- VKS huyện Quốc Oai;
- Cơ quan thi hành án;
- Các đồng sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hồng Thiết**